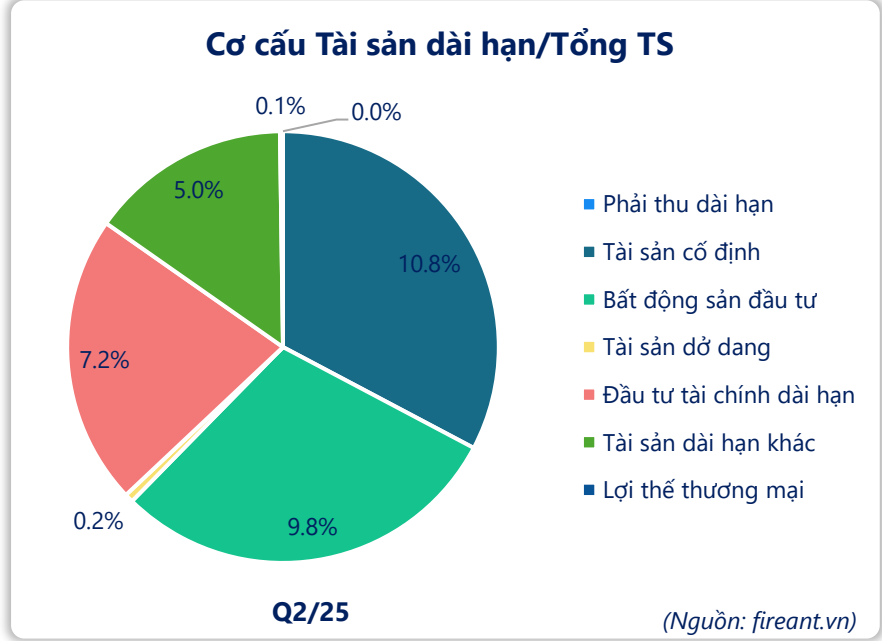
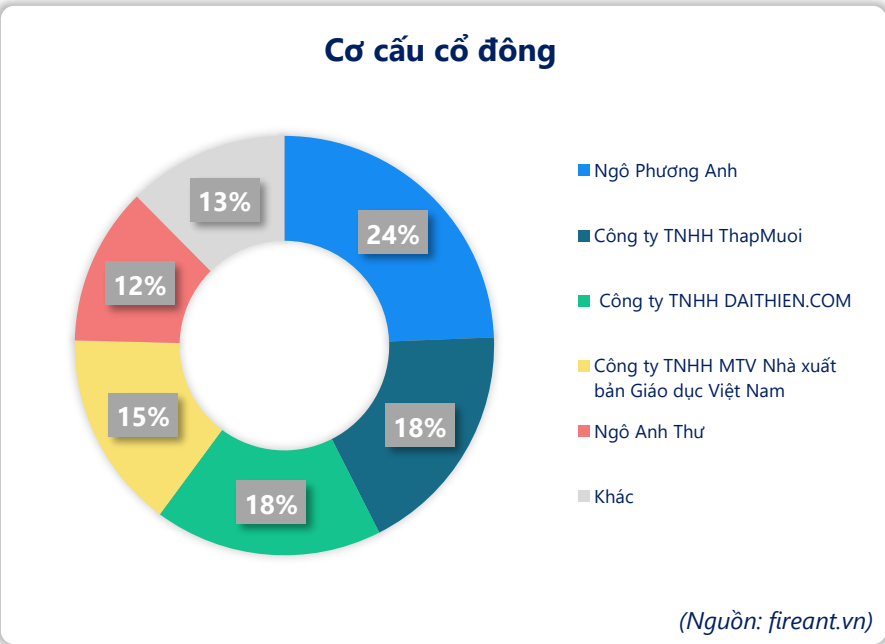
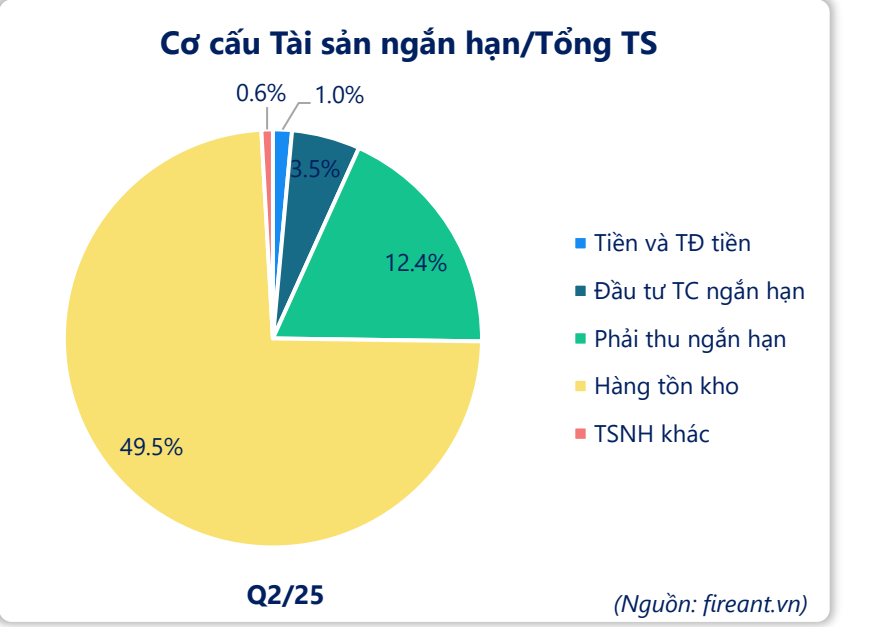
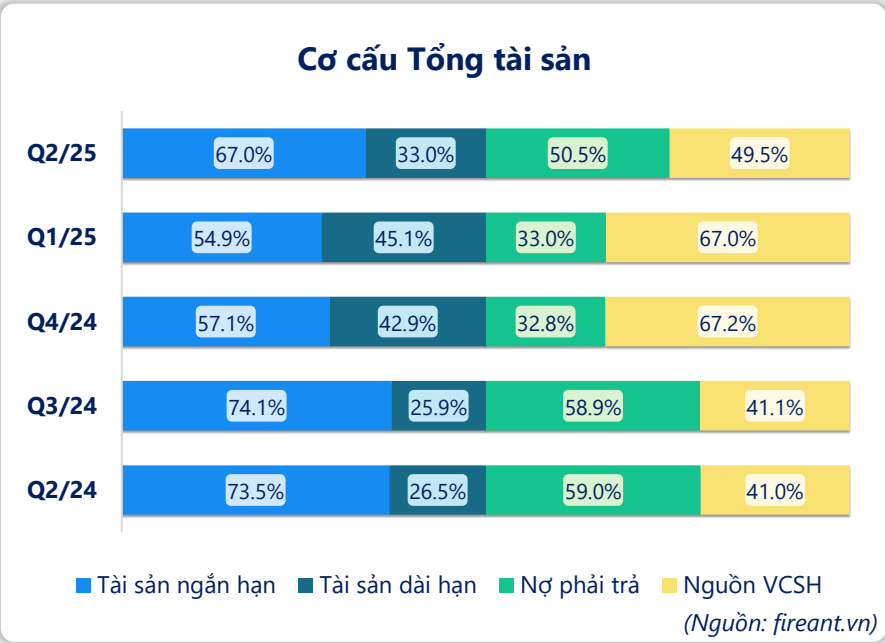
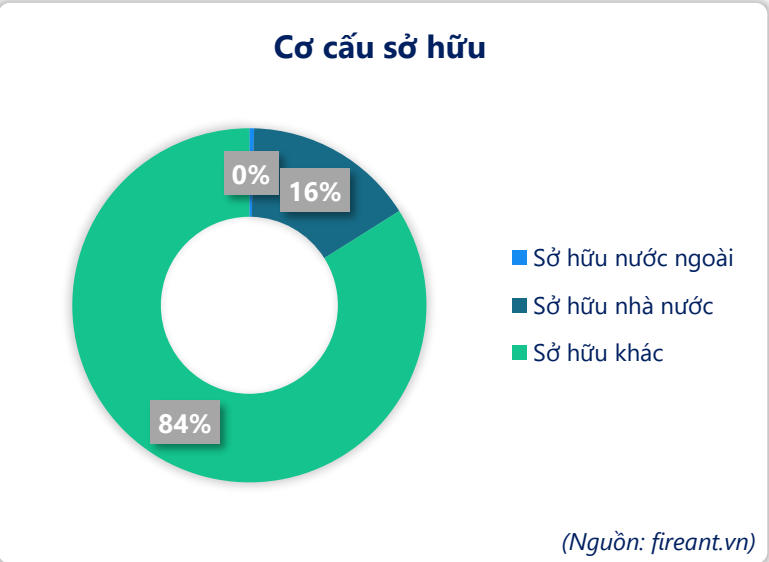
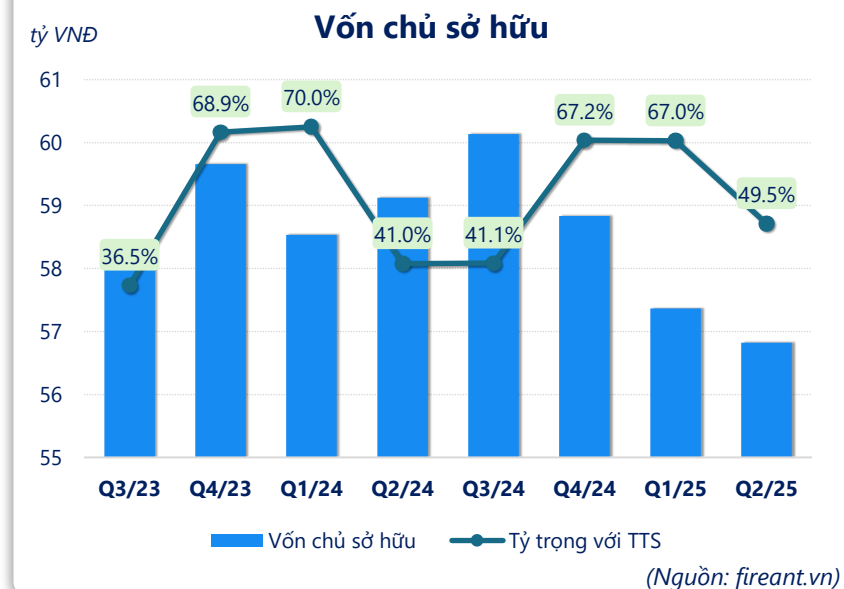
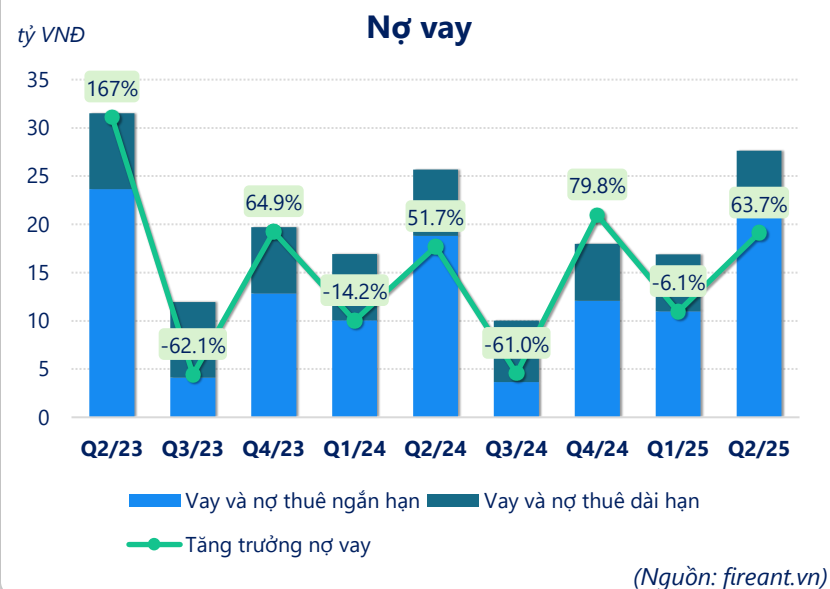
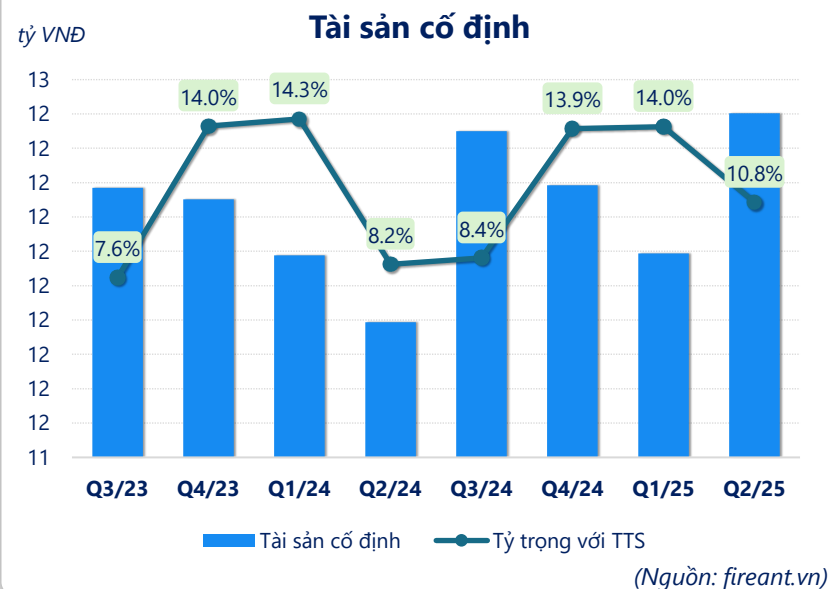
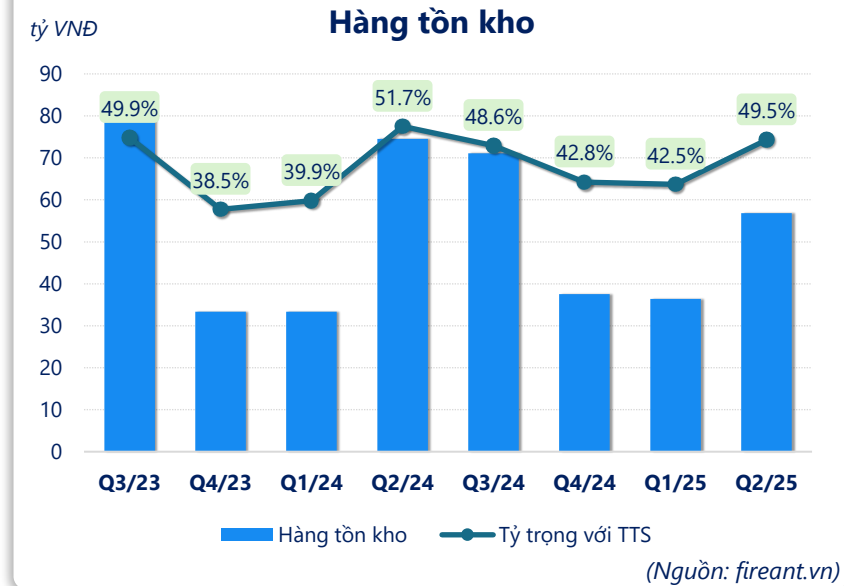
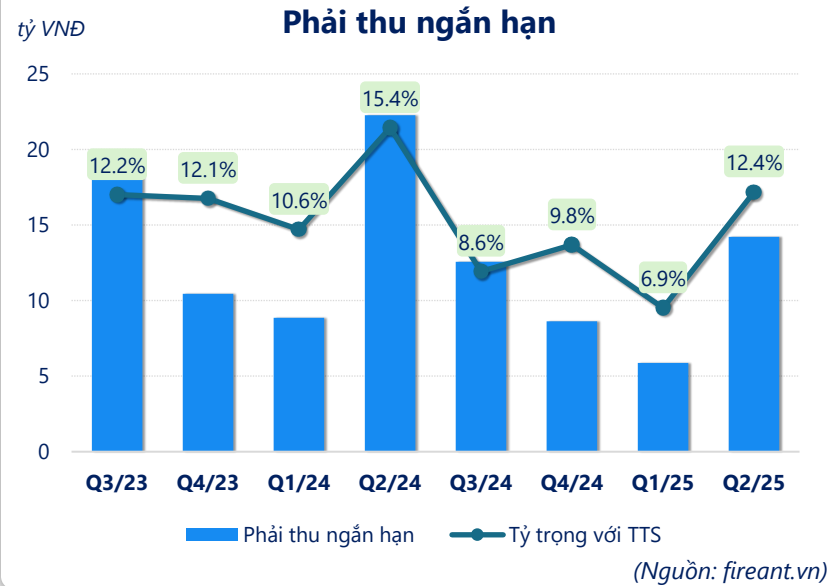
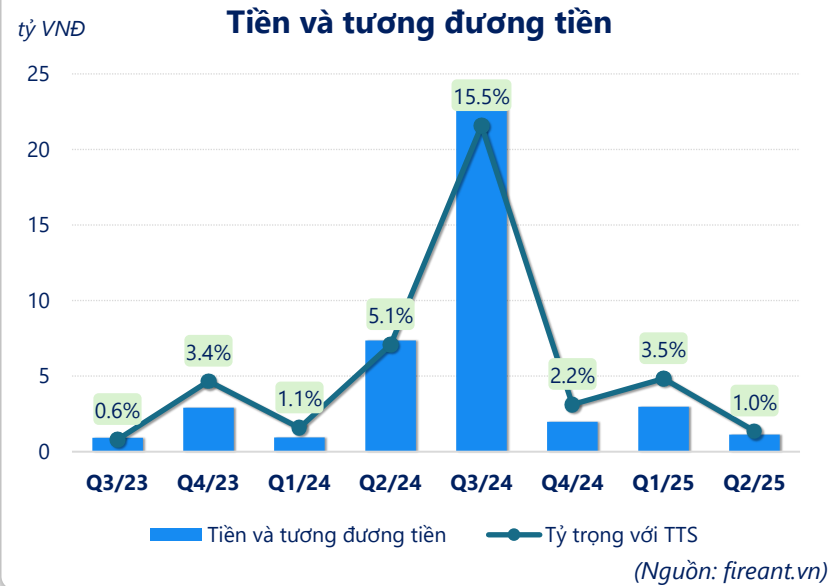
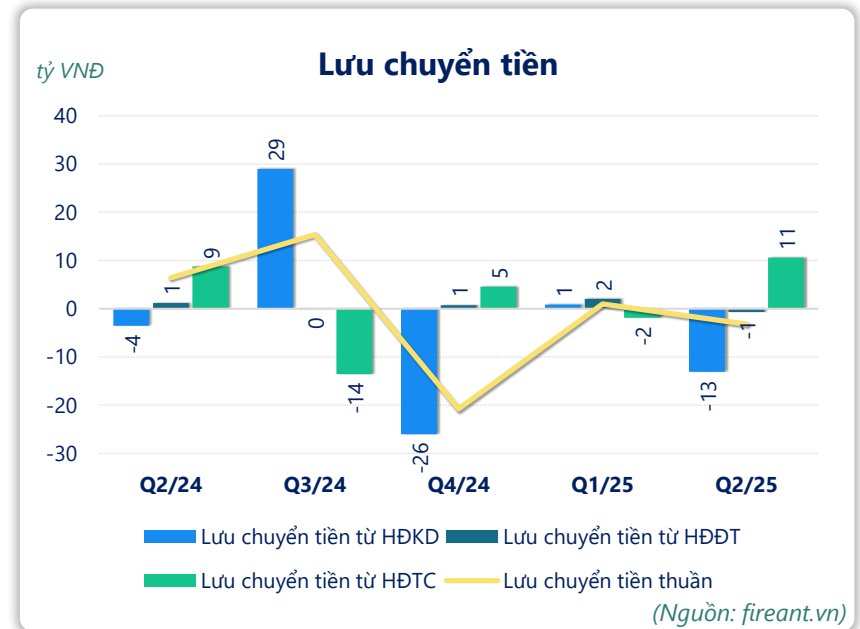
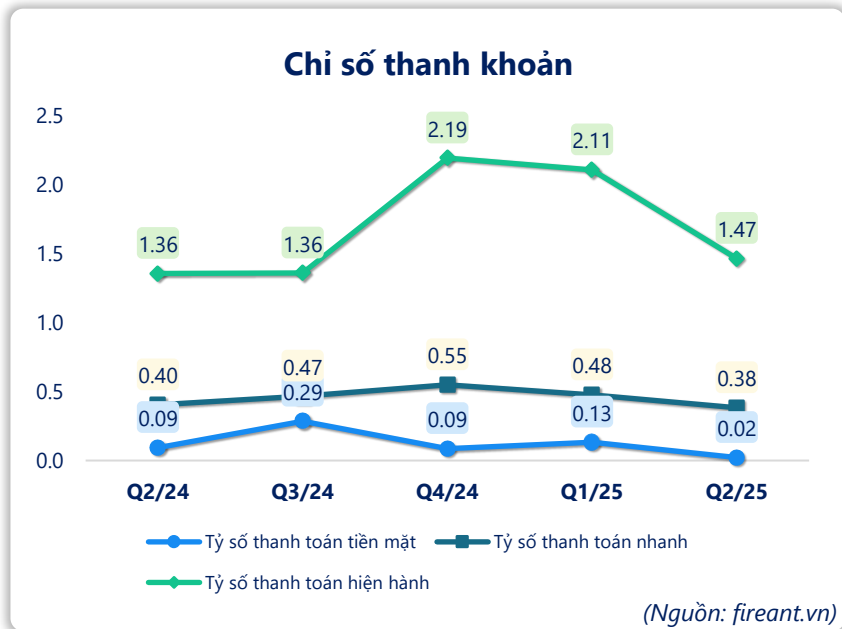
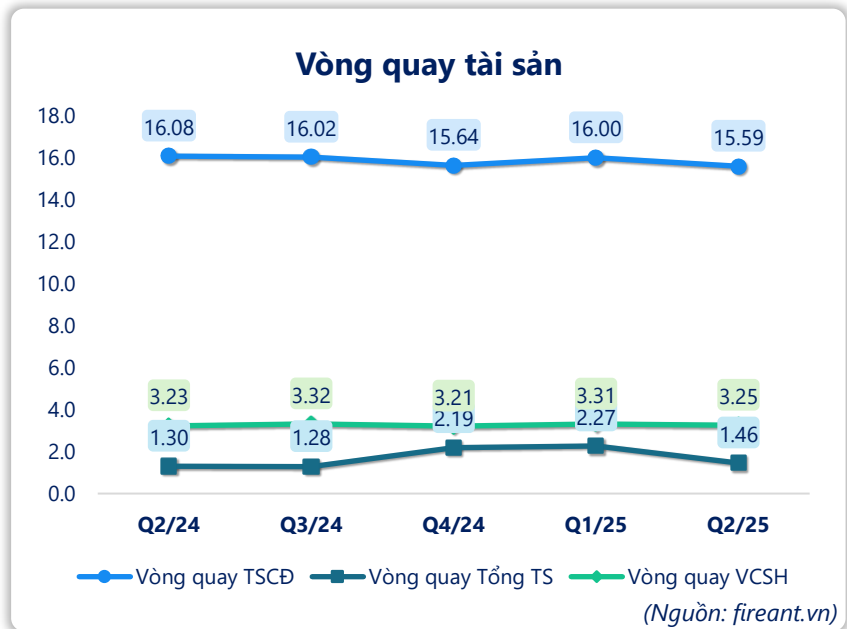
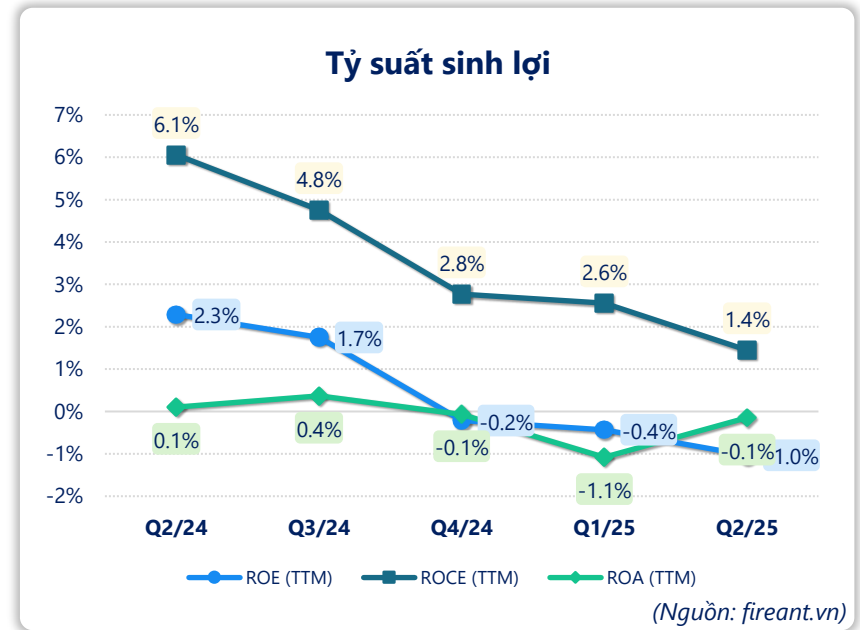
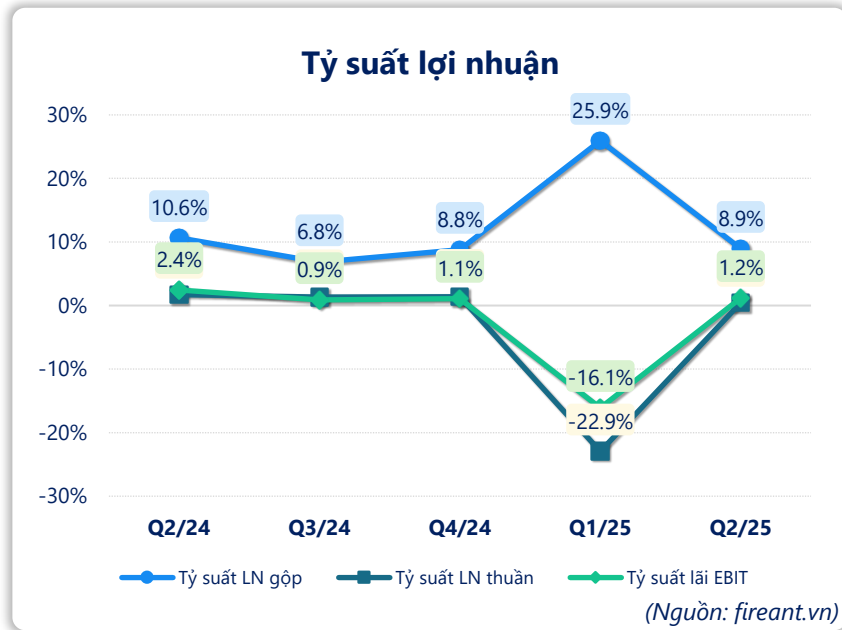
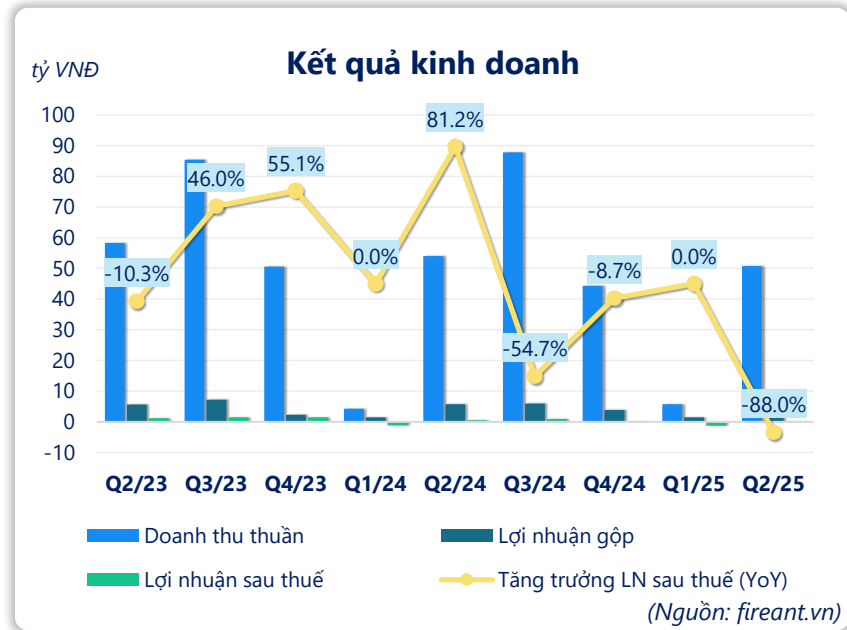


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		20,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		20,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		9,800
SL cổ phiếu LH		4,043,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		765
% sở hữu nước ngoài		0.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		84
P/E		-141.0
EPS		-148

	YTD	1T	3T	6T
SGD	67.2%	109.0%	104.9%	67.2%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	115	86.6	32.6%
Tài sản ngắn hạn	77.0	48.0	60.3%
Tiền và tương đương tiền	1.13	1.97	-42.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.07	1.21	235%
Phải thu ngắn hạn	14.2	8.55	66.2%
Hàng tồn kho	56.9	35.8	58.9%
Tài sản ngắn hạn khác	0.68	0.49	38.1%
Tài sản dài hạn	37.9	38.6	-1.9%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	12.4	12.2	1.8%
Bất động sản đầu tư	11.2	11.4	-1.4%
Tài sản dở dang	0.24	0.08	212%
Đầu tư tài chính dài hạn	8.24	8.99	-8.4%
Tài sản dài hạn khác	5.70	5.86	-2.6%
Lợi thế thương mại	0.08	0.15	-43.8%
Nợ phải trả	58.0	28.0	107%
Nợ ngắn hạn	52.5	22.0	138%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	22.2	12.1	83.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	26.3	8.08	225%
Nợ dài hạn	5.50	5.95	-7.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	5.45	5.91	-7.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	56.8	58.6	-3.1%
Vốn chủ sở hữu	56.8	58.6	-3.1%
Vốn điều lệ	41.4	41.4	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	54.0	87.8	44.3	5.71	50.8
Giá vốn hàng bán	48.2	81.8	40.4	4.23	46.3
Lợi nhuận gộp	5.74	6.00	3.89	1.48	4.54
Doanh thu HĐTC	0.76	0.17	1.23	0.03	0.49
Chi phí TC	0.23	0.51	0.27	0.34	0.59
Chi phí lãi vay	0.44	-0.36	0.05	0.34	0.40
LN trong công ty LKLD	-0.70	0	0.01	0	-0.75
Chi phí bán hàng	2.54	2.90	2.30	1.34	2.15
Chi phí QLDN	2.10	1.59	1.95	1.14	1.30
LN thuần từ HĐKD	0.92	1.16	0.61	-1.31	0.22
Lợi nhuận khác	-0.04	-0.03	-0.19	0.05	-0.02
LN trước thuế	0.88	1.13	0.42	-1.26	0.21
Lợi nhuận sau thuế	0.59	0.95	0.02	-1.26	0.17
LNST của CĐ cty mẹ	0.16	0.56	-0.06	-0.91	-0.19

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-3.55	29.0	-26.0	0.85	-13.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	1.21	-0.06	0.72	2.05	-0.67
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	8.74	-13.6	4.56	-1.90	10.6
Tiền đầu kỳ	0.95	7.35	22.7	1.97	2.98
Lưu chuyển tiền thuần	6.40	15.4	-20.7	1.01	-3.16
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	7.35	22.7	1.97	2.98	1.13

(Nguồn: fireant.vn)